TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-10-2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu và bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1992,
ĐKHKTT: thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
- Bị đơn: Chị **Lê Thị Huỳnh P**, sinh năm 1993;
ĐKHKTT: thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
Chỗ ở hiện nay: A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.
- *Người làm chứng*: Bà **Vũ Thị B**, sinh năm 1962.
Trú quán: thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Anh Đ có mặt, chị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Huỳnh P kết hôn với nhau năm 2016, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ ngày 29/8/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh được khoảng hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau, vợ chồng không

tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Do chán nản cuộc sống không có hạnh phúc nên tháng 4/2018, chị P đã về nhà bố mẹ đẻ tại A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/8/2016 hiện nay đang ở với anh *(lý do anh chị đã chung sống với nhau trước và có con chung, sau đó mới đi đăng ký kết hôn).* Anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện anh làm công nhân tại Công ty TNHH công nghiệp T, mức thu nhập ổn định từ 9 triệu đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Lê Thị Huỳnh P trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như anh Đ đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh Đ được khoảng hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi lộn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng quá lớn nên từ tháng 4/2018, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị nhất trí để giải thoát cho nhau khỏi sự ràng buộc.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/8/2016 hiện nay đang ở với anh Đ. Chị nhất trí để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung và nhất trí việc anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con. Sau này chị sẽ tự có trách nhiệm với con chung theo khả năng và điều kiện kinh tế của chị.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, do ở xa, công việc bận, chị P xin từ chối hoà giải và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Kết quả làm việc với bà B (mẹ đẻ anh Đ) xác định: Anh Đ và chị P được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng với bà ở địa phương, anh Đ đi làm công nhân, lo sinh hoạt gia đình, chị P ở nhà nội trợ, nuôi con, vợ chồng, chung sống hoà thuận, không xây ra mâu thuẫn gì. Từ tháng 4/2018, bà không biết vì lý do gì mà chị P tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Sóc Trăng sinh sống mang theo cả con chung, đã nhiều lần bà gọi điện để động viên chị P

về đoàn tụ nhưng chị P trả lời sẽ không quay lại chung sống cùng anh Đ nữa. Anh Đ cũng đã vào tận quê để tìm chị P về đoàn tụ nhưng chị P cương quyết không về mà chỉ giao con cho anh Đ đưa về nuôi dưỡng cho đến nay. Trường hợp Toà án giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, bà cam kết sẽ hỗ trợ anh Đ trong việc nuôi con với những điều kiện tốt nhất.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã H, cán bộ lao động thương binh xã hội xã H và Trưởng thôn X được cung cấp: Anh Đ, chị P kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ anh Đ tại thôn X, xã H. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm bắt được vì anh chị không báo cáo chính quyền địa phương và các đoàn thể để tổ chức hoà giải cho anh chị ấy. Từ giữa năm 2018, chị P đã đưa con về nhà đẻ tại tỉnh Sóc Trăng sinh sống, anh Đ đã nhiều lần đi tìm nhưng không thấy chị P quay về đoàn tụ cùng anh Đ. Hiện nay, chỉ có bố con anh Đ sinh sống cùng bà B (mẹ đẻ anh Đ) ở thôn X, xã H. Nay anh Đ xin ly hôn chị P và có nguyện vọng được nuôi con, đề nghị Toà án căn cứ đơn của anh Đ và ý kiến của chị P để giải quyết theo quy định của pháp luật cho các bên sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên toà, anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Lê Thị Huỳnh P; Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/8/2016 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: anh Đ, chị P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ, chị P có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Bị đơn chị Lê Thị Huỳnh P đã được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ và đã có đơn đề nghị Toà án giải

quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Huỳnh P kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ ngày 29/8/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm do tính cách của hai người ở hai miền trái ngược nhau, vì vậy mà thường xuyên xẩy ra cãi vã nhau, cuộc sống căng thẳng kéo dài. Do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nên từ tháng 4/2018, chị P đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh Đ và gia đình nhiều lần gọi điện động viên, khuyên giải, anh Đ cũng đã vào Sóc Trăng tìm chị P về đoàn tụ nhưng chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết không về, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài. Anh Đ xin ly hôn, chị P nhất trí. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Đ được ly hôn với chị P là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/8/2016, hiện đang ở với anh Đ. Anh Đ đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Cháu N đã ở với anh Đ từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, có cuộc sống ổn định, hiện anh Đ có việc làm và có thu nhập ổn định, chị P cũng nhất trí giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. Bà B (mẹ đẻ anh Đ) cam kết sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ anh Đ nuôi con với những điều kiện tốt nhất. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, Toà án giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Đ, chị P không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Lê Thị Huỳnh P.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/8/2016 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005232 ngày 05/9/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã L, huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân